HMN

AWS A5.13 EFeMn-B ; JIS Z 3251; DFMA-200-B

QUE HÀN 14%Mn CHO ỨNG DỤNG ĐẮP CỨNG CHỊU VA ĐẬP VÀ CHỊU MÒN

MÔ TẢ

Dùng để hàn thép hàm lượng 13/14% mangan hoặc tương tự; dùng để hàn đắp các kết cấu thép cacbon thấp.

Ở điều kiện tải trọng va đập, kim loại hàn sẽ biến cứng, tăng khả năng chịu mòn do ma sát và mài mòn.

ỨNG DỤNG

Ứng dụng phù hợp cho bề mặt đường ray, các chi tiết chuyển hướng (đường sắt), con lăn nghiền, răng gầu xúc, búa đập, búa nghiền …

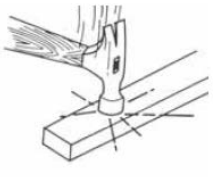

Hàn các chi tiết chịu va đập

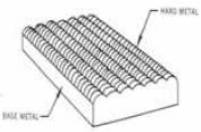

Hàn đắp cứng hàm nghiền

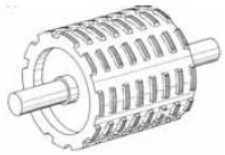

Con lăn nghiền

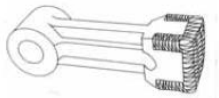

Búa nghiền

Cam lệch tâm

Đường ray (phần chuyển ghi)

THÀNH PHẦN HOÁ HỌC KIM LOẠI MỐI HÀN (%)

C	Si	S	P	Mn	Fe
0.60	0.60	0.002	0.02	16.00	bal

ĐỘ CỨNG CỦA KIM LOẠI HÀN

	Vickers (HV)	Rockwell (HRC)
Độ cứng sau khi hàn	180 - 200	
Độ cứng sau khi biến cứng	460 - 510	46 - 49

DÒNG HÀN KHUYẾN NGHỊ (AC HOẶC DCEP)

Đường kính (mm)	3.2	4.0	5.0
Dòng hàn (A)	90 ~ 130	140 ~ 180	190 ~ 240